

Bản án số: 204/2019/DS-PT

Ngày: 16-07-2019

V/v tranh chấp: “Chia thừa kế theo pháp luật
và tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**.

Các thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**.

Bà **Trần Thị Thu H.**

- Thư ký Phiên tòa: Bà **Lê Thị Linh** – Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh T Giang.

- Đ diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh T Giang tham gia Phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia Phiên tòa.

Tr các ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 7 và ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh T Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2018/DSST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án Nhân dân huyện Gò Công Đông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Đoàn Thị P, sinh năm 1967 (có mặt).

2. Đoàn Thị Kiều Ch, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

Người Đ diện theo ủy quyền của chị Ch: Đoàn Thị H, sinh năm 1969.

3. Đoàn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 23/6C, Phường x, Quận y, Thành phố H.

*** Bị đơn:** Đoàn Công Th, sinh năm 1983 Người Đ diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Thanh CH, sinh năm 1971. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Đoàn Văn T, sinh năm 1978 (có mặt);

2. Đoàn Thị H, sinh năm 1965;

Đ diện theo ủy quyền: Đoàn Thị P, sinh năm 1967 (có mặt).

3. Đoàn Công B, sinh năm 1971 (có mặt);

4. Đoàn Thị TR, sinh năm 1975 (có mặt);

5. Nguyễn Thị Thanh CH, sinh năm 1971 (có mặt);

6. Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt);

7. Đào Thị Yến V, sinh năm 1976 (Có mặt);

8. Đoàn Công Đ, sinh năm 1995;

Đ diện theo ủy quyền: Đào Thị Yến V, sinh năm 1976 (Có mặt);

9. Đoàn Công T, sinh năm 1997 (Xin vắng mặt);

10. Trương Thị TR, sinh năm 1985

Đ diện theo ủy quyền : Đoàn Văn T, sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

11. Trần Văn NH, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp X, xã B a, huyện G, tỉnh T Giang.

Đ diện theo ủy quyền : Đoàn Văn T, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

12. Đoàn Thanh S, sinh năm 1930 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10/8 Ô 2, ấp T, xã Tr, huyện H, tỉnh N

13. Đoàn Thị Út, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số 122 Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

* Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Công Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 122 Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Các nguyên đơn – Đoàn Thị P, Đoàn Thị Kiều Ch và Đoàn Thị H trình bày:

Ông Đoàn Văn Tr (chết ngày 20/5/2010) và bà Từ Thị A (chết ngày 11/02/2015) có 08 người con gồm: Đoàn Thị H, Đoàn Thị P, Đoàn Thị H, Đoàn Công B, Đoàn Thị TR, Đoàn Văn T, Đoàn Công Th, Đoàn Thị Kiều Ch. Năm 2009 có thỏa thuận phân chia đất Tr hộ ông Đoàn Văn Tr theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2009/QĐST-DS ngày 17/02/2009 của Tòa án NH dân huyện Gò Công Đông, nhưng các phần đất chia cho bà A và các con vẫn để sử dụng chung chưa tách quyền sử dụng đất riêng. Ngày 29/11/2012 có văn bản phân chia di sản thừa kế của ông Đoàn Văn Tr. Bà Từ Thị A chết để lại T sản gồm: Thửa đất số 1200, diện tích 1320m² đất ở nông thôn và đất cây lâu năm (đất ở 300m², đất cây lâu năm 1.020m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02117 cấp ngày 30/9/2013; Thửa đất số 1581, diện tích 1653m² đất cây

lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02178 cấp ngày 30/9/2013; Thửa 1583, diện tích 668m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02181 cấp ngày 30/9/2013; Thửa đất số 1567, diện tích 3968m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02182 cấp ngày 30/9/2013; Thửa số 1570, diện tích 904m² đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02179 cấp ngày 30/9/2013; Thửa đất số 826, diện tích 740m² đất NTTS theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Ch02180 cấp ngày 30/9/2013. Tất cả các thửa đất tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, do bà Từ Thị A đứng tên. Ngoài ra còn có căn nhà cấp 4, một chiếc lều 3,5 chỉ vàng 18K, một chiếc cà rá yên ngựa 01 chỉ vàng 18K, một đôi bông tai 0,5 phân vàng 18K, một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Hiện anh Th, chị TR, chị Ch đang sử dụng thửa đất số 1583, anh Th đang quản lý sử dụng thửa 1200 có căn nhà và quản lý số vàng. Qua đo đạc, các thửa đất có giảm diện tích, riêng thửa 1200 là không giảm diện tích. Thống nhất kết quả đo và kết quả định giá T sản. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật T sản của bà Từ Thị A chết để lại gồm: Căn nhà và các thửa đất, nhưng khi chia đất trừ ra phần diện tích đất mà cha mẹ đã bán và đã cho anh T, anh B trước đây. Phần diện tích đất còn lại và căn nhà yêu cầu chia cho 8 người thừa kế nêu trên. Thống nhất yêu cầu của anh T, anh B về việc công nhận quyền sử dụng đất đã bán và đã cho anh T, anh B theo diện tích đo. Không yêu cầu chia T, vàng, hồ nước, cây trồng và T sản khác trên đất, cụ thể yêu cầu như sau:

Căn nhà (gồm nhà ở, nhà bếp, nhà cũi): Yêu cầu chia bằng giá trị T. Yêu cầu anh Th phải giao lại nhà cho anh T. Vì anh Th ở nhà thờ nhưng khi con cháu về cúng ông bà thì bị anh Th chửi, đánh, anh Th không có con để kế tự.

Thửa đất số 1200: yêu cầu chia bằng giá trị T. Đồng ý để anh Th tiếp tục sử dụng đất, anh Th giao lại các đồng thừa kế nhận 1/8 giá trị đất bằng T.

Các thửa đất còn lại: Yêu cầu chia theo vị trí đang sử dụng. Chị P đồng ý trả anh Th công sức bồi thổ, san lấp đất với số T theo mức 4.000.000 đồng/1.000m². Chị Ch và chị H không đồng ý trả T bồi thổ san lấp đất cho anh Th vì phần đất của chị Ch tự san lấp. Chị H cho rằng có gửi T về cho bà A chi trả chi phí san lấp, nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Về thời gian thực hiện: Sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng.

** Bị đơn Đoàn Công Th và chị CH Đ diện cho anh Th trình bày:*

Thống nhất di sản thừa kế và diện người thừa kế như các nguyên đơn trình bày. Thống nhất kết quả đo và định giá T sản. Đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu các nguyên đơn. Nhưng không đồng ý chia thửa đất 1200 và căn nhà trên đất. Vì để làm nhà thờ cúng ông bà tổ tiên. Nếu Tòa án phân chia nhà và thửa đất số 1200 thì yêu cầu được nhận đất và ở căn nhà, thống nhất giao lại các đồng thừa kế mỗi người 1/8 giá trị bằng T. Vì vợ chồng đã xây nhà vệ sinh, xây chuồng dê, trồng thêm cây ăn trái và làm hàng rào bao quanh thửa đất. Không đồng ý giao nhà lại cho anh T. Vì anh T đã có nhà ở riêng từ lâu, còn anh Th sống với cha mẹ từ trước cho đến khi cha mẹ chết, anh Th quản lý nhà, sử dụng đất cho đến nay.

Đối với các thửa đất còn lại, yêu cầu chia thừa kế theo diện tích đo đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Từ Thị A. Nếu ai được nhận phần đất anh Th đang sử dụng thì phải trả cho anh Th khoản T công sức bồi thổ, san lấp đất theo mức 4.000.000 đồng/1000m². Vì khi san lấp đất, anh Th sống chung với bà A, anh Th bỏ T ra trả chi phí san lấp đất. Không đồng ý công nhận quyền sử dụng đất của anh B, anh T. Vì không có việc mua bán đất như hai anh trình bày.

Về số vàng: Sau khi mẹ chết, anh Th cất giữ 5 chỉ 8 phân vàng 18K và 01 chỉ vàng 24K của bà Từ Thị A, nhưng đã bán để chi phí hết vào việc thờ cúng và giỗ. Không yêu cầu khoản T mai táng phí và khoản chi phí nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - chị Đoàn Thị H trình bày:* Thống nhất yêu cầu chia thừa kế như các nguyên đơn. Yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với nhà và đất nêu trên. Về vị trí đất phân chia tùy Tòa quyết định. Thống nhất trả khoản T công sức bồi thổ, san lấp đất cho anh Th theo mức 4.000.000 đồng/1.000m². Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – anh Đoàn Văn T trình bày:* Thống nhất yêu cầu chia thừa kế như các nguyên đơn. Khi còn sống, cha anh là ông Đoàn Văn Tr có bán cho anh 668m² đất thửa 1581 nên đã sử dụng đất cho đến nay. Ông Tr có bán cho anh B 1.000m² đất cây lâu năm. Nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của anh T theo diện tích đã mua là 668m² thửa 1583. Yêu cầu được nhận thừa kế nhà và đất như các nguyên đơn yêu cầu trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – anh Đoàn Công B trình bày:* Thống nhất yêu cầu chia thừa kế như các nguyên đơn và anh T. Cách nay 10 năm cha của anh có bán cho anh 1000m² đất tại thửa 1581 đất cây lâu năm với số T 30.000.000 đồng, nên đã sử dụng cho đến nay. Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của anh B theo diện tích đất đã mua là 1.000m² đất thửa 1581. Yêu cầu được nhận thừa kế nhà và đất như các nguyên đơn yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đoàn Thị TR trình bày:*

Thống nhất toàn bộ yêu cầu của anh Th. Chị TR không biết việc bán đất như anh B, anh T trình bày. Yêu cầu được nhận phần đất thừa kế tại vị trí đất đang sử dụng. Nếu Tòa phân chia phần đất hiện chị TR đang sử dụng cho ai thì người đó phải trả chị TR khoản T chi phí san lấp theo mức 10.000.000 đồng/m².

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Thanh CH trình bày:* Chị CH và anh Th đang ở căn nhà, cùng quản lý T sản và sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất anh Th và chị CH có san lấp ao trên phần đất có nhà, san lấp phần đất ruộng anh Th đang sử dụng có trồng cỏ, xây thêm nhà vệ sinh và gắn cửa phòng ngủ, xây hàng rào xung quanh phần đất có nhà. Thống nhất toàn bộ yêu cầu của anh Th. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại Pên tòa sơ thẩm, bà Đoàn Thị Út trình bày: Căn nhà có nguồn gốc của cha mẹ bà Út để lại trước năm 1975. Quá trình sử dụng ông Tr và bà A có xây dựng, tu bổ lại căn nhà để làm nhà thờ ông bà chung cho đến khi ông Tr, bà A

chết thì anh Th quản lý nhà. Nay các con của ông Tr và bà A yêu cầu chia thừa kế thì bà có ý kiến không chia căn nhà mà để nguyên nhà cho anh Th quản lý sử dụng làm nhà thờ ông bà tổ tiên chung. Không có ý kiến về chia thừa kế đất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đoàn Thanh S trình bày như bà Đoàn Thị Út.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Văn H, chị Đào Thị Tuyết V, anh Đoàn Công Đ, Đoàn Công T, Trần Văn NH, Trương Thị TR: không yêu cầu gì khác.

Bản án số 126/2018/DSST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án NH dân huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang. Quyết định: Căn cứ vào các Điều 649, 651, 660, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 228, của Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của chị Đoàn Thị P, chị Đoàn Thị Kiều Ch, chị Đoàn Thị H, yêu cầu độc lập của chị Đoàn Thị H, anh Đoàn Công B, anh Đoàn Công T về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Từ Thị A.

- Chị Đoàn Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 1110,5m² tọa lạc Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

- Chị Đoàn Thị P được quyền sử dụng đất diện tích 1110,5m² tọa lạc Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

- Chị Đoàn Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 1110,6m² tọa lạc Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

Anh Đoàn Công Th và chị Nguyễn Thị Thanh CH có nghĩa vụ giao lại phần đất trên cho chị H, chị P, chị H.

Chị H, chị P, chị H, mỗi người phải có nghĩa vụ trả anh Th T công bồi thổ đất là 4.442.000 đồng.

- Chị Đoàn Thị Kiều Ch được quyền sử dụng diện tích 1.164,9m² tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (chị Ch đang sử dụng đất).

- Chị Đoàn Thị TR được quyền sử dụng diện tích 1.064,1m² tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (chị TR đang sử dụng đất).

- Anh Đoàn Văn T được quyền sử dụng diện tích 573,8m² thửa 1583, tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (anh T đang sử dụng đất).

- Anh Đoàn Công B được quyền sử dụng đất diện tích 1.214,2m² thửa 1581 tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (anh B đang sử dụng đất). Anh Đoàn Công B có nghĩa vụ giao lại anh Đoàn Văn T được nhận số T chênh lệch giá trị đất là 12.368.500 đồng.

- Anh Đoàn Công Th được quyền sử dụng đất diện tích 1.320m² (300m² đất ở và 1020m² đất cây lâu năm), thửa 1200, tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T. Giang (anh Th đang sử dụng đất). Anh Đoàn Công Th có nghĩa vụ giao lại anh T, chị TR, chị H, chị P, chị H, chị Ch số T chênh lệch giá trị đất như sau:

+ Anh T được nhận số T là 111.811.000 đồng.

+ Chị TR được nhận số T là 46.151.000 đồng.

+ Chị H được nhận số T là 35.943.000 đồng.

+ Chị P được nhận số T là 35.943.000 đồng.

+ Chị H được nhận số T là 35.921.000 đồng.

(Tất cả các phần đất phân chia có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P, chị Đoàn Thị Kiều Ch, chị Đoàn Thị H, phần yêu cầu độc lập của chị Đoàn Thị H, anh Đoàn Công B, anh Đoàn Văn T về việc chia thừa kế nhà.

Anh Đoàn Công Th được sở hữu căn nhà trên đất 1200, tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T. Giang (anh Th đang quản lý nhà). Anh Đoàn Công Th có nghĩa vụ giao lại chị H, chị P, chị H, anh B, anh T, chị TR, chị Ch mỗi người được nhận số T 1/8 giá trị nhà là 30.377.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Đoàn Công B về việc công nhận 1000m² đất thửa 1581 thuộc quyền sử dụng đất của anh B.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Đoàn Văn T về việc công nhận 668m² đất thửa 1583 thuộc quyền sử dụng đất của anh T.

Thời gian thực hiện giao đất, T một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền lập thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai.

Ngoài ra, án còn tuyên về phần nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/11/2018 anh Đoàn Công Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại Pên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo , bị đơn đồng ý phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất , nhưng không đồng ý phân chia căn nhà gắn liền thửa đất 1200 vì căn nhà này dùng để thờ cúng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đ. diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về thủ tục tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm: Án sơ thẩm có nhiều sai sót , tuy nhiên qua việc hỏi tại Pên

tòa phúc thẩm thì các đương sự gồm anh Tiến và anh B đã bị tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì cả Hai cùng đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, không kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Pên tòa phúc thẩm thì chị H, chị P và chị H cùng thống nhất nhận chung di sản thừa kế để tự phân chia, nên không cần thiết đề nghị hủy bản án sơ thẩm, do không làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung quan hệ tranh chấp “Quyền sử dụng đất” và ghi nhận việc chị H, chị P và chị H cùng thống nhất nhận chung di sản thừa kế để tự phân chia, đồng thời bổ sung sơ đồ các phần đất được phân chia.

Qua nghiên cứu toàn bộ T liệu, chứng cứ có Tr hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, kháng cáo của anh Đoàn Công Th, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại Pên tòa, ý kiến phát biểu của Đ diện Viện kiểm sát NH dân tỉnh T Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có liên quan Tr vụ án gồm Nguyễn Văn H, Đoàn Công T và Đoàn Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có liên quan theo qui định tại Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn về việc kiện bị đơn đòi chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại theo pháp luật. Cho nên, tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật” là đúng qui định. Tuy nhiên, ngày 24/02/2017 anh Đoàn Văn T và anh Đoàn Văn B có đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần di sản thừa kế. Đối với yêu cầu của anh T và anh B được tòa án cấp sơ thẩm cho nộp T tạm ứng án phí, có thông báo thụ lý vụ án, tiến hành hòa giải và xét xử. Cho nên cần bổ sung thêm quan hệ pháp luật tranh chấp Tr vụ án này là “Chia thừa kế theo pháp luật và tranh chấp quyền sử dụng đất”. Như vậy Tr vụ án tranh chấp thừa kế thì có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tranh chấp quyền sử dụng đất là anh T và anh B. Tuy nhiên, anh T, anh B trình bày lúc còn sống thì cụ Tr có chuyển nhượng cho các anh một phần diện tích đất, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, sau khi cụ Tr chết thì tất cả những người thừa kế của cụ Tr là cụ A (vợ cụ Tr) cùng các con cụ Tr – cụ A, Tr đó có anh T và anh B cùng lập văn bản thỏa thuận toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của cụ A. Sau khi tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh T, anh B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất thì các anh cũng đồng ý và không kháng cáo bản án. Việc này được anh T, anh B xác nhận tại Pên tòa phúc thẩm. Cho nên, Hội đồng xét xử không cần thiết hủy bản án sơ thẩm với lý do tranh chấp quyền sử dụng đất chưa thông qua hòa giải ở cơ sở, do không làm thay đổi bản chất của vụ án.

[3] Về nội dung: Cụ Đoàn Văn Tr, sinh 1941, chết ngày 20/5/2010 và cụ Từ Thị A, sinh năm 1944, chết ngày 10/02/2015. Hai cụ có tất cả 08 người con gồm: Đoàn Thị H, Đoàn Thị P, Đoàn Thị H, Đoàn Công B, Đoàn Thị TR, Đoàn

Văn T, Đoàn Công Th, Đoàn Thị Kiều Ch. Năm 2009 có thỏa thuận phân chia đất Tr hộ ông Đoàn Văn Tr theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2009/QĐST-DS ngày 17/02/2009 của Tòa án NH dân huyện Gò Công Đông, nhưng các phần đất chia cho bà A và các con vẫn để sử dụng chung chưa tách quyền sử dụng đất riêng. Ngày 29/11/2012 có văn bản phân chia di sản thừa kế của ông Đoàn Văn Tr, để lại toàn bộ T sản cho bà Từ Thị A. Năm 2015 bà Từ Thị A chết để lại T sản gồm:

- Thừa đất số 1200, diện tích 1320m² đất ở nông thôn và đất cây lâu năm (đất ở 300m², đất cây lâu năm 1.020m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02117 cấp ngày 30/9/2013; gắn liền với căn nhà trên đất (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu).

- Thừa đất số 1581, diện tích 1653m² đất cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02178 cấp ngày 30/9/2013;

- Thừa 1583, diện tích 668m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02181 cấp ngày 30/9/2013; Thừa đất số 1567, diện tích 3968m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02182 cấp ngày 30/9/2013;

- Thừa số 1570, diện tích 904m² đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02179 cấp ngày 30/9/2013;

- Thừa đất số 826, diện tích 740m² đất NTTS theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02180 cấp ngày 30/9/2013.

Tất cả các thửa đất tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, do cụ Từ Thị A đứng tên.

Sau khi cụ A chết, không để lại di chúc nên các con của cụ A khởi kiện anh Th đòi chia di sản thừa kế theo pháp luật. Anh Th cũng đồng ý phân chia di sản thừa kế của cụ A chết để lại chia theo pháp luật, nhưng không đồng ý phân chia thửa đất số 1200, diện tích 1.320m² đất ở nông thôn và đất cây lâu năm (đất ở 300m², đất cây lâu năm 1.020m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02117 cấp ngày 30/9/2013; gắn liền với căn nhà trên đất, nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Đoàn Công Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại văn bản phân chia thừa kế ngày 29/11/2012, có xác nhận của chính quyền địa phương thì tất cả hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tr gồm cụ A và các con chung của cụ A - cụ Tr, cùng thống nhất giao toàn bộ diện tích đất 9.253m², tờ bản đồ số 01, thuộc các thửa đất số 1200, 826, 1570, 1583, 1567 và 1581 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00614, 02413, 02435, 02415, 02436 do Ủy ban NH dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 14/6/1997, 05/6/2008, 22/6/2008 cho bà Từ Thị A được đứng tên (bút lục 382, 383 và 384). Năm 2015 cụ A chết không để lại di chúc, cho nên có cơ sở xác định toàn bộ các thửa đất số 1200, 826, 1570, 1583, 1567 và 1581 là di sản thừa kế của cụ A chết để lại. Riêng đối với căn nhà trên thửa đất số 1200 thì lúc còn sống cụ A, cụ Tr không có định đoạt gì đối với căn nhà này, khi cụ A chết cũng không định đoạt phần căn nhà. Cho nên xác định

căn nhà trên thửa đất số 1200 là di sản thừa kế của cụ A và cụ Tr. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ A, cụ Tr gồm 08 người gồm Đoàn Thị H, Đoàn Thị P, Đoàn Thị H, Đoàn Công B, Đoàn Thị TR, Đoàn Văn T, Đoàn Công Th, Đoàn Thị Kiều Ch.

Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xác định giá trị căn nhà 243.019.140đồng là di sản thừa kế, mỗi kỹ phần thừa kế nhà trị giá 30.377.000đồng. Tổng giá trị đất là 2.242.027.800đồng, mỗi kỹ phần thừa kế đất là 280.253.000đồng. cộng chung mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là $30.377.000\text{đồng} + 280.253.000\text{đồng} = 310.630.000\text{đồng}$ là đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, vào năm 2012 cụ A và các đồng thừa kế cùng thỏa thuận toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc cụ A, căn nhà trên thửa đất 1200 của cụ A và cụ Tr đều không có định đoạt cho ai, nguồn gốc là của cụ A, cụ Tr tạo lập nên xác định là di sản của cụ Tr và cụ A để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Đối với bị đơn kháng cáo cho rằng cụ A có định đoạt thửa đất 1200 gắn liền với căn nhà trên đất làm di sản thờ cúng không phân chia và giao cho anh Th sử dụng là không có cơ sở để chấp nhận. Tại Pên tòa phúc thẩm thì phía bị đơn có đề nghị tòa án thu thập chứng cứ tại hồ sơ hòa giải thành theo quyết định số 23/2009/QĐ9ST-DS ngày 17/02/2009 của Tòa án NH dân huyện Gò Công Đông. Qua xem xét toàn bộ hồ sơ hòa giải này cũng không có chứng cứ nào thể hiện việc cụ A định đoạt thửa đất số 1200 gắn liền với căn nhà dùng vào việc thờ cúng. Bị đơn cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh, phía nguyên đơn thì không thừa nhận, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5] Về cách phân chia di sản thừa kế; Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia bằng hiện vật, ưu tiên những người đang sử dụng phần đất nào thì chia luôn phần đất đó là phù hợp, đảm B việc canh tác đất ổn định. Quá trình phân chia thì tòa án cấp sơ thẩm cũng có xem xét đến công sức đóng góp bồi thổ đất của anh Th và buộc các bên nhận di sản từ anh Th chuyển giao phải hoàn trả công sức san lấp bồi thổ đất cho anh Th là phù hợp. Bên nào nhận hiện vật trị giá cao hơn kỹ phần thừa kế được hưởng phải hoàn trả trị giá bằng T cho những người nhận hiện vật ít hơn. Tuy nhiên, tại quyết định của bản án sơ thẩm thì tuyên “tất cả các phần đất được chia có sơ đồ vị trí đất được chia kèm theo” nhưng bản án gốc và án văn đều không thể hiện sơ đồ vị trí đất kèm theo bản án và không nêu rõ phần đất được chia cụ thể ở thửa đất số mấy, vị trí tứ cận như Th nào. Đáng lẽ ra, phải tuyên hủy bản án sơ thẩm do không thể thi hành được bản án do không có sơ đồ đất được chia. Tại Pên tòa phúc thẩm thì chị Đoàn Thị H (được chia $1.110,5\text{m}^2$), Đoàn Thị P (được chia $1.110,5\text{m}^2$) và chị Đoàn Thị H (được chia $1.110,6\text{m}^2$), xin được nhận chung phần diện tích $3.331,6\text{m}^2$ để tự phân chia. Qua đối chiếu với T liệu có Tr hồ sơ thì phần đất $3.331,6\text{m}^2$ thuộc vị trí số 2 tại bản trích đo bản đồ địa chính khu đất của thửa đất số 826 + 1567 + 1570 (bút lục 239). Như vậy đã khắc phục được sai sót về phần quyết định của bản án sơ thẩm, cho nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chia đất cho chị Đoàn Thị H (được chia $1.110,5\text{m}^2$), Đoàn Thị P (được chia $1.110,5\text{m}^2$) và chị Đoàn Thị H (được chia $1.110,6\text{m}^2$), chia chung phần diện tích $3.331,6\text{m}^2$ để tự phân chia. Chị Kiều Ch được chia $1.116,9\text{m}^2$

thuộc vị trí số 1 tại bản trích đo bản đồ địa chính khu đất của thửa đất số 826 + 1567 + 1570 (bút lục 239) và chỉ TR được chia 1.064,1m² thuộc vị trí số 3 tại bản trích đo bản đồ địa chính khu đất của thửa đất số 826 + 1567 + 1570 (bút lục 239). Do đó, cần thiết phải sửa án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét lời đề nghị của vị Đ diện Viện kiểm sát NH dân tỉnh T Giang là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào các Điều 649, 651, 660, 357 của Bộ luật dân sự 2015;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Công Th , sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 126/2018/DSST ngày 14/11/2018 của Tòa án NH dân huyện Gò Công Đông , tỉnh T Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P, chị Đoàn Thị Kiều Ch, chị Đoàn Thị H, yêu cầu độc lập của chị Đoàn Thị H, anh Đoàn Công B, anh Đoàn Công T về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Từ Thị A.

2.1. Chị Đoàn Thị H, chị Đoàn Thị P và chị Đoàn Thị H được quyền sử dụng 3.331,6m² đất thuộc các thửa đất 826, 1567, 1570 có tổng diện tích đo đạc thực tế 5.560,6m² , tờ bản đồ số 1 , tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang . Chị H , chị P và chị H nhận chung 3.331,6m² nêu trên và tự phân chia. Tr đó :

+ Chị Đoàn Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 1110,5m² tọa lạc Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

+ Chị Đoàn Thị P được quyền sử dụng đất diện tích 1110,5m² tọa lạc Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

+ Chị Đoàn Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 1110,6m² tọa lạc Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

Vị trí đất chia cho chị H , chị P và chị H được ký hiệu là số ② theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/7/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò công Đông , tỉnh T Giang (có bản trích đo đính kèm).

- Anh Đoàn Công Th và chị Nguyễn Thị Thanh CH có nghĩa vụ giao lại phần đất trên cho chị H, chị P, chị H.

- Chị H, chị P, chị H, mỗi người phải có nghĩa vụ trả anh Th T công bồi thổ đất là 4.442.000 đồng.

2.2 . Chị Đoàn Thị Kiều Ch được quyền sử dụng diện tích 1.164,9m² thuộc các thửa đất 826, 1567, 1570 có tổng diện tích đo đạc thực tế 5.560,6m² , tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (chị Ch đang sử dụng đất). Vị trí đất chia cho chị Ch được ký hiệu là số ① theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/7/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông , tỉnh T Giang (có bản trích đo đính kèm).

2.3.Chị Đoàn Thị TR được quyền sử dụng diện tích 1.064,1m² thuộc các thửa đất 826, 1567, 1570 có tổng diện tích đo đạc thực tế 5.560,6m² , tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (chị TR đang sử dụng đất). Vị trí đất chia cho chị TR được ký hiệu là số ③ theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/7/2018 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông , tỉnh T Giang (có bản trích đo đính kèm)

2.4. Anh Đoàn Văn T được quyền sử dụng diện tích 573,8m² thửa 1583, tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (anh T đang sử dụng đất). Vị trí đất chia cho anh T theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông , tỉnh T Giang (có bản trích đo đính kèm).

2.5. Anh Đoàn Công B được quyền sử dụng đất diện tích 1.214,2m² thửa 1581 tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (anh B đang sử dụng đất). Vị trí đất chia cho anh B theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông , tỉnh T Giang (có bản trích đo đính kèm).

- Anh Đoàn Công B có nghĩa vụ giao lại anh Đoàn Văn T được nhận số T chênh lệch giá trị đất là 12.368.500 đồng.

2.6. Anh Đoàn Công Th được quyền sử dụng đất diện tích 1.320m² (300m² đất ở và 1020m² đất cây lâu năm), thửa 1200, tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (anh Th đang sử dụng đất).

Vị trí đất chia cho anh Th theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/11/2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông , tỉnh T Giang (có bản trích đo đính kèm).

2.7. Anh Đoàn Công Th có nghĩa vụ giao lại anh T, chị TR, chị H, chị P, chị H, chị Ch số T chênh lệch giá trị đất như sau:

- + Anh T được nhận số T là 111.811.000 đồng.
- + Chị TR được nhận số T là 46.151.000 đồng.
- + Chị H được nhận số T là 35.943.000 đồng.
- + Chị P được nhận số T là 35.943.000 đồng.

+ Chị H được nhận số T là 35.921.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P, chị Đoàn Thị Kiều Ch, chị Đoàn Thị H, phần yêu cầu độc lập của chị Đoàn Thị H, anh Đoàn Công B, anh Đoàn Văn T về việc chia thừa kế căn nhà.

- Anh Đoàn Công Th được sở hữu căn nhà trên thửa đất số 1200, tọa lạc ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang (anh Th đang quản lý nhà).

- Anh Đoàn Công Th có nghĩa vụ giao lại chị H, chị P, chị H, anh B, anh T, chị TR, chị Ch mỗi người được nhận số T 1/8 giá trị nhà là 30.377.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Đoàn Công B về việc công nhận 1000m² đất thửa 1581 thuộc quyền sử dụng đất của anh B.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Đoàn Văn T về việc công nhận 668m² đất thửa 1583 thuộc quyền sử dụng đất của anh T.

6. Thời gian thực hiện giao đất, T một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng.

- Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền lập thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai.

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án , nếu bên phải thi hành chậm thi hành đối với phần T phải trả thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản T lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số T chậm thi hành án.

7. Về án phí :

- Anh Đoàn Công Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, và phải chịu 15.531.500đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số T 300.000đồng tạm ứng án phí do anh Đoàn Công Th đã nộp theo biên lai thu số 45941 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh T Giang , nên phải nộp tiếp số T 15.231.500đồng.

- Chị H phải chịu 15.531.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm , được trừ số T 1.659.000đồng tạm ứng án phí do chị H nộp theo biên lai thu số 45437 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông , nên phải nộp tiếp số T 13.872.500đồng.

- Chị P phải chịu 15.531.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm , được trừ số T 1.860.000đồng tạm ứng án phí do chị P nộp theo biên lai thu số 44639 ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông , nên phải nộp tiếp số T 13.671.500đồng.

- Chị H phải chịu 15.531.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm , được trừ số T 1.860.000đồng tạm ứng án phí do chị H nộp theo biên lai thu số 44638 ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông , nên phải nộp tiếp số T 13.671.500 đồng.

- Chị Ch phải chịu 15.531.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số T 1.860.000 đồng tạm ứng án phí do chị Ch nộp theo biên lai thu số 44637 ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên phải nộp tiếp số T 13.671.500 đồng.

- Anh B phải chịu 15.531.500 đồng (án phí chia thừa kế) và 300.000 đồng (án phí tranh chấp quyền sử dụng đất), cộng chung là 15.831.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số T 2.235.000 đồng tạm ứng án phí do anh B nộp theo biên lai thu số 44830 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên phải nộp tiếp số T 13.596.500 đồng.

- Anh T phải chịu 15.531.500 đồng (án phí chia thừa kế) và 300.000 đồng (án phí tranh chấp quyền sử dụng đất), cộng chung là 15.831.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số T 2.235.000 đồng tạm ứng án phí do anh T nộp theo biên lai thu số 44814 ngày 24/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên phải nộp tiếp số T 13.596.500 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ ngày 16 tháng 07 năm 2019.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt